

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2025/HS-PT
Ngày 27 - 8 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Chí Thiện

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị V

Ông Trương Quyết Thắng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Khánh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 27/8/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 27/2025/TLPT-HS ngày 14/7/2025 đối với các bị cáo Lê Đình V, Phạm Xuân H, Phạm Thị H, Trương Thị O, Phạm Thanh B, Lại Thị A, Nguyễn Đức T do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2025/HS-ST ngày 11/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố L (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 6), tỉnh Lào Cai.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Họ và tên: Lê Đình V** - Sinh ngày 05/3/1991 tại tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Tổ 02, phường Nam C, thành phố L (nay là phường C), tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn Th và bà Hoàng Thị Th; Vợ là Đặng Thị Thu H và có 02 con (lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2019); Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/01/2024 đến ngày 29/01/2024 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. **Họ và tên: Phạm Xuân H** - Sinh ngày 06/8/1973 tại tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Tổ 04, phường N, thành phố L (nay là phường C), tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn Ch và bà Mai

Thị Nh; Vợ là Sùng Thị Th và có 02 con (lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2010); Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/01/2024 đến ngày 29/01/2024 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. **Họ và tên: Phạm Thị H** - Sinh ngày 05/7/1979 tại tỉnh Lào Cai.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 16, phường B, thành phố L (nay là phường C), tỉnh Lào Cai; Nơi ở: Tổ 10, phường X, thành phố L (nay là phường C), tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Cán bộ UBND phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn X (Đã chết) và bà Vũ Thị G; Chồng là Trần Huy Th (Đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2005; Tiền án; Tiền sự: Không.

Trước khi phạm tội bị cáo là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, bị cáo đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng tại Quyết định số 1874 - QĐ/TU ngày 25/4/2025 của Thành ủy L, tỉnh Lào Cai.

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/4/2024. Vắng mặt.

4. **Họ và tên: Trương Thị O** - Sinh ngày 26/11/1966 tại tỉnh Hà Nam.

Nơi cư trú: Tổ 34, phường K, thành phố L (nay là phường C), tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 10/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Long C và bà Trần Thị L; Chồng là Nguyễn Văn V (Đã ly hôn) và có 02 con (lớn sinh năm 1985, nhỏ sinh năm 1989); Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/11/2024. Có mặt.

5. **Họ và tên: Phạm Thanh B** - Sinh ngày 16/7/1973 tại tỉnh Thái Bình.

Nơi ĐKKHKT: Thôn Tr, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình (Nay là xã V, tỉnh Hưng Yên).

Nơi ở: Tổ 09, phường B, thành phố L (nay là phường C), tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Thanh C và bà Ngô Thị T; Vợ là Nguyễn Thị M và có 02 con (lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 1999); Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/11/2024. Có mặt.

6. **Họ và tên: Lại Thị A** - Sinh ngày 02/11/1994 tại tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Tổ 03, phường N, thành phố L (Nay là phường C), tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lại Văn P (đã chết) và bà Đoàn Thị L; Chồng là Lê Minh H (Đã ly hôn) và có 02 con (lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2018); Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/01/2024 đến ngày 29/01/2024 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Vắng mặt.

7. **Họ và tên: Nguyễn Đức T** - Sinh ngày 15/8/1997 tại tỉnh Quảng Ninh.

Nơi ĐKHKTT: Tổ 06, khu 01, phường T, thành phố U (nay là phường U), tỉnh Quảng Ninh; Nơi ở: Tổ 04, phường D, thành phố L (Nay là phường L), tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Duy Đ và bà Đỗ Thị L; Vợ là Nguyễn Thị L (có 01 con sinh năm 2020); Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/01/2024. Vắng mặt.

Các bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng nghị:

- Phạm Thanh S - Sinh ngày 21/9/1991 tại tỉnh Lào Cai

Nơi cư trú: Tổ 20, phường B, thành phố L(nay là phường Cam Đường), tỉnh Lào Cai

- Trần Văn C - Sinh ngày 30/11/1982 tại tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Tổ 18, phường B, thành phố L(nay là phường Cam Đường), tỉnh Lào Cai

- Đỗ Văn H - Sinh ngày 20/9/1975 tại tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Tổ 04, phường N, thành phố L (nay là phường C), tỉnh Lào Cai

- Nguyễn Thị H - Sinh ngày 05/8/1979 tại tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Tổ 04, phường N, thành phố L (nay là phường C), tỉnh Lào Cai

- Phạm Công N - Sinh ngày 21/5/1978 tại tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Tổ 34, phường C, thành phố L(nay là phường C), tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ 20 phút ngày 19/01/2024, Phòng Cảnh sát Hình sự Công an tỉnh Lào Cai đã đồng loạt tiến hành kiểm tra các địa điểm có dấu hiệu hoạt động đánh bạc bằng hình thức ghi số lô số đề trên địa bàn thành phố L, tỉnh Lào Cai. Phát hiện Lê Đình V, Phạm Xuân H, Đỗ Văn H, Nguyễn Thị H, Trần Văn C đang thực hiện hành vi mua, bán (nhận, chuyển) các số lô, số đề qua tin nhắn điện thoại di động, thu giữ nhiều tài liệu, đồ vật có liên quan.

Quá trình lấy lời khai ban đầu và kiểm tra điện thoại di động của Lê Đình V, Phạm Xuân H, Đỗ Văn H, Nguyễn Thị H, Cơ quan điều tra triệu tập 05 đối tượng gồm: Lại Thị A, Phạm Thị H, Phạm Công N, Phạm Thanh S và Nguyễn Đức T lên làm việc. Ngày 22/01/2024; 24/01/2024 và ngày 28/01/2024, Trần Văn C; Phạm Thanh S và Nguyễn Đức T đến Cơ quan điều tra xin đầu thú về hành vi mua bán số lô, số đề.

Quá trình điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, cụ thể như sau:

Đối với bị cáo Lê Đình V:

Sau khi nhận các số lô, số đề của người chơi, ngày 19/01/2024 V đã chuyển cho Phạm Thanh S 25.200.000 đồng tiền đề. Trong thời gian từ ngày 29/12/2023 đến ngày 19/01/2024, chuyển cho Phạm Xuân H tổng cộng 1.166.074.000 đồng tiền lô, đề trong đó có 343.900.000 đồng tiền đề và 13.520 điểm lô = 293.384.000 đồng, 220.000 đồng ba càng, 13.670.000 đồng lô xiên và 514.900.000đ tiền thưởng.

Đối với hành vi đánh bạc, tổng số tiền lô đề V nhận của Phạm Thị H trong 07 ngày (từ ngày 15/4/2023 đến ngày 21/4/2023) là 321.966.000 đồng trong đó có 06 ngày (từ ngày 16/4/2023 đến ngày 21/4/2023) có số tiền trên 5 triệu đồng/ngày với tổng số tiền là 321.626.000 đồng. Tổng số tiền lô đề V chuyển cho Phạm Xuân H trong 16 ngày (từ ngày 29/12/2023 đến ngày 15/01/2024) là 1.033.357.000 đồng. Do không có căn cứ xác định trong thời gian từ ngày 15/4/2023 đến ngày 21/4/2023 sau khi V nhận số lô, số đề của Phạm Thị H rồi chuyển tiếp cho ai và những số lô, số đề V chuyển cho Phạm Xuân H từ ngày 29/12/2023 đến ngày 15/01/2024 đã nhận được từ ai, nên V phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Đánh bạc đối với 23 ngày từ ngày 16/4/2023 đến ngày 15/01/2024 số tiền là 1.354.983.000 đồng, trong đó có 16 ngày với tổng số tiền trên 50 triệu/ngày (ngày 16, 18, 21/4/2023; 29, 30/12/2023; 01, 02, 06, 07, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15/01/2024) với tổng số tiền là 1.146.215.500 đồng.

Đối với hành vi tổ chức đánh bạc, ngày 16/01/2024 tổng số tiền lô đề V nhận của khách chơi là 56.590.000 đồng, sau đó V chuyển cho Phạm Xuân H số tiền lô đề là 55.798.500 đồng. Tổng số tiền V phải chịu trách nhiệm về hành vi Tổ chức đánh bạc ngày 16/01/2024 là 56.590.000 đồng. Trong các ngày 17, 18, 19/01/2024 tổng số tiền lô đề V nhận được từ các khách chơi là 66.622.000 đồng, sau đó V chuyển cho Phạm Xuân H và Phạm Thanh S với tổng số tiền là 102.118.500 đồng. Đồng thời tổng số tiền V thực hiện hành vi tổ chức đánh bạc ngày 17, 18, 19/01/2024 trong nhóm zalo “Lúa về lúa về” là 2.098.252.890 đồng. Trong đó, vào ngày 19/01/2024 V đã chuyển cho Phạm Thanh S 25.200.000 đồng để Phạm Thanh S chuyển vào nhóm “Lúa về lúa về”. Như vậy, tổng số tiền V phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Tổ chức đánh bạc” từ ngày 16/01/2024 đến ngày 19/01/2024 là 2.231.761.390 đồng. Ngoài ra, đối với nhóm Zalo “Lúa về lúa về” V được hưởng lợi bất chính trong 02 ngày (17/01/2024 và 18/01/2024) là 5.402.130 đồng.

Đối với bị cáo Lại Thị A:

Tổng số tiền An thực hiện hành vi phạm tội từ ngày 17/01/2024 đến ngày 19/01/2024 là 2.098.252.890 đồng. Số tiền An thu lợi bất chính trong 02 ngày (17/01/2024 và 18/01/2024 là 5.402.130 đồng.

Đối với bị cáo Nguyễn Đức T:

Tổng số tiền bị cáo thực hiện hành vi phạm tội từ ngày 17/01/2024 đến ngày 19/01/2024 là 2.098.252.890 đồng. Số tiền Thái thu lợi bất chính trong 02 ngày (17/01/2024 và 18/01/2024) là 5.402.130 đồng.

Đối với bị cáo Phạm Xuân H:

Sau khi nhận các số lô, số đề của những người chơi, Hiệp đã chuyển các số đề, số ba càn cho Phạm Thanh S trong 11 ngày với tổng số tiền là 38.820.500 đồng.

Đối với hành vi đánh bạc, trong 14 ngày (ngày 08, 16, 28/10/2023; 02/11/2023; 25, 26, 27, 28, 30, 31/12/2023; 03, 06, 12, 13/01/2024) tổng số tiền lô đề Hiệp nhận của các khách chơi với số tiền trên 5 triệu đồng/ngày là 522.895.500 đồng. Do không có căn cứ xác định sau khi nhận số lô, số đề của các khách chơi trong các ngày trên Hiệp chuyển tiếp cho ai nên Hiệp phải chịu trách nhiệm Hình sự về tội Đánh bạc với tổng số tiền là 522.895.500 đồng, trong đó có 05 ngày với tổng số tiền trên 50 triệu/ngày (ngày 30/12/2023; 03, 06, 12, 13/01/2024) với tổng số tiền là 386.427.500 đồng.

Đối với hành vi tổ chức đánh bạc, trong 15 ngày (ngày 29/12/2023 và 01, 02, 05, 07, 08, 09, 10, 11, 14, 15, 16, 17, 18, 19/01/2024) tổng số tiền lô đề Hiệp nhận của các khách chơi là 1.091.114.900 đồng, sau đó chuyển cho zalo “Linh, B-PH” và Phạm Thanh S với tổng số tiền là 95.585.500 đồng. Đồng thời tổng số tiền Hiệp thực hiện hành vi tổ chức đánh bạc từ ngày 17/01/2024 đến ngày 19/01/2024 trong nhóm zalo “Lúa về lúa về” là 2.098.252.890 đồng. Tổng số tiền Hiệp nhận của khách sau đó chuyển cho Phạm Thanh S để chuyển vào nhóm zalo “Lúa về lúa về” trong 03 ngày 17, 18, 19/01/2024 là 19.340.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền Hiệp thực hiện hành vi tổ chức đánh bạc từ ngày 29/12/2023 đến ngày 19/01/2024 là 3.170.027.790 đồng. Ngoài ra, tổng số tiền Hiệp được hưởng lợi trong nhóm Zalo “Lúa về lúa về”, do Phạm Thanh S chia cho 10% trong 02 ngày là 2.701.065 đồng.

Đối với bị cáo Phạm Thị H:

Xác định Hà đã mua số lô, số đề của Lê Đình V từ ngày 15/4/2023 đến ngày 19/01/2024 là 11 lần với tổng số tiền 433.796.000 đồng gồm 154.720.000 đồng tiền đề, 338 điểm lô = 7.436.000 đồng, 20 điểm lô xiên = 200.000 đồng và 119.520.000 đồng tiền thưởng. Trong đó có 09 ngày đánh bạc với tổng số tiền trên 5 triệu (16/4/2023, 17/4/2023, 18/4/2023, 19/4/2023, 20/4/2023, 21/4/2023, 16/01/2024, 17/01/2024, 19/01/2024) với tổng số tiền là 429.646.000 đồng gồm 153.600.000 đồng tiền đề, 273 điểm lô = 6.006.000 đồng, 20 điểm lô xiên = 200.000 đồng và 269.840.000 đồng tiền thưởng. Trong đó có 04 ngày đánh bạc với tổng số tiền trên 50 triệu/ngày (ngày 16/4/2023, ngày 18/4/2023, ngày 21/4/2023, ngày 16/01/2024) với tổng số tiền là 328.710.000 đồng.

Đối với bị cáo Trương Thị O:

Xác định Oanh đã mua bán số lô số đề với Phạm Xuân H từ ngày 25/12/2023 đến ngày 19/01/2024 là 285.876.000 đồng gồm 162.323.000 đồng tiền đề, 185 điểm lô = 4.033.000 đồng và 119.520.000 đồng tiền thưởng. Trong đó có 12 ngày đánh bạc với tổng số tiền trên 5 triệu (25/12/2023, 26/12/2023, 27/12/2023, 28/12/2023, 31/12/2023, 01/01/2024, 02/01/2024, 05/01/2024, 07/01/2024, 10/01/2024, 12/01/2024, 17/01/2024) với tổng số tiền là 279.742.000 đồng gồm 158.443.000 đồng tiền đề, 155 điểm lô = 3.379.000 đồng và 117.920.000 đồng tiền thưởng.

Đối với bị cáo Phạm Thanh B:

Xác định tổng số tiền đánh bạc giữa Bình và Phạm Xuân H từ ngày 01/10/2023 đến ngày 19/01/2024 (43 ngày) là 156.875.000 đồng gồm 13.315.000 đồng tiền đề, 3030 điểm lô = 66.660.000 đồng và 76.900.000 đồng tiền thưởng. Trong đó có 14 ngày có tổng số tiền đánh bạc trên 5 triệu (ngày 08/10/2023, 16/10/2023, 28/10/2023, 30/12/2023, 03/01/2024, 05/01/2024, 06/01/2024, 07/01/2024, 08/01/2024, 11/01/2024, 14/01/2024, 15/01/2024, 16/01/2024, 17/01/2024) với tổng số tiền đánh bạc là 116.620.000 đồng gồm 4.260.000 đồng tiền đề, 1880 điểm lô = 41.360.000 đồng và 71.000.000 đồng tiền thưởng.

Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2025/HS-ST ngày 11/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố L(nay là Tòa án nhân dân Khu vực 6), tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Phạm Xuân H phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*”. Xử phạt bị cáo Phạm Xuân H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Hiệp phạm tội “*Đánh bạc*”. Xử phạt bị cáo Phạm Xuân H 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù.

Căn cứ vào Điều 55 của Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo Phạm Xuân H phải chấp hành hình phạt chung là 04 (bốn) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án. Khấu trừ cho bị cáo Phạm Xuân H 09 ngày bị tạm giữ.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Lê Đình V phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*”. Xử phạt bị cáo Lê Đình V 01 (một) năm 05 (năm) tháng tù.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Lê Đình V phạm tội “*Đánh bạc*”. Xử phạt bị cáo Lê Đình V 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ vào Điều 55 của Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo Lê Đình V phải chấp hành hình phạt chung là 04 (bốn) năm 11

(mười một) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án. Khấu trừ cho bị cáo Lê Đình V 09 ngày bị tạm giữ.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Lại Thị A phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*”. Xử phạt bị cáo Lại Thị A 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Trương Thị O phạm tội “*Đánh bạc*”. Xử phạt bị cáo Trương Thị O 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Phạm Thị H phạm tội “*Đánh bạc*”. Xử phạt bị cáo Phạm Thị H 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Phạm Thanh B phạm tội “*Đánh bạc*”. Xử phạt bị cáo Phạm Thanh B 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên bố bị cáo Phạm Thanh S, Trần Văn C, Đỗ Văn H tội “*Tổ chức đánh bạc*”, xử phạt bị cáo Phạm Thanh S 01 (một) năm 04 (bốn) tháng 13 (mười ba) ngày tù; Bị cáo Trần Văn C 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị cáo Đỗ Văn H 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H, Phạm Công N phạm tội “*Đánh bạc*”, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H và Phạm Công N mỗi bị cáo 30.000.000 (*Ba mươi triệu*) đồng nộp vào ngân sách Nhà nước và quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 24/6/2025, bị cáo Lại Thị A, Nguyễn Đức T, Phạm Thị H, Trương Thị O, Phạm Thanh B, Lê Đình V, Phạm Xuân H kháng cáo, trong đó: bị cáo Lại Thị A, Nguyễn Đức T, Phạm Thị H, Trương Thị O, Phạm Thanh B xin được hưởng án treo; Bị cáo Lê Đình V, Phạm Xuân H xin được hưởng án treo về tội “*Tổ chức đánh bạc*” và giảm nhẹ hình phạt về tội “*Đánh bạc*”.

Ngày 25/8/2025, các bị cáo Lại Thị A và Nguyễn Đức T có đơn đề nghị rút đơn kháng cáo. Ngày 27/8/2025, bị cáo Phạm Thị H có đơn đề nghị rút đơn kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Lê Đình V, Phạm Xuân H

đề nghị rút toàn bộ kháng cáo; Các bị cáo Trương Thị O, Phạm Thanh B giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu quan điểm:

Căn cứ Điều 348, điểm d khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng Hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Lê Đình V, Phạm Xuân H, Lại Thị A, Nguyễn Đức T, Phạm Thị H.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự sửa bản án Hình sự sơ thẩm số 71/2025/HS-ST ngày 11/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố L(nay là Tòa án nhân dân Khu vực 6), tỉnh Lào Cai theo hướng giữ nguyên mức hình phạt tù, nhưng cho hưởng án treo đối với các bị cáo.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Trương Thị O phạm tội “*Đánh bạc*”. Xử phạt bị cáo Trương Thị O 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Phạm Thanh B phạm tội “*Đánh bạc*”. Xử phạt bị cáo Phạm Thanh B 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Thư ký trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án tại cấp sơ thẩm đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại. Do đó, Hội đồng xét xử xác định các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về yêu cầu rút kháng cáo của các bị cáo:

Các bị cáo Lại Thị A, Nguyễn Đức T, Phạm Thị H có đơn đề nghị rút toàn bộ đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Lê Đình V, Phạm Xuân H rút toàn bộ kháng cáo. Hội đồng xét xử xét thấy việc các bị cáo rút toàn bộ kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 342 Bộ luật Tố tụng Hình sự vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo đã rút của các bị cáo Lại Thị A, Nguyễn Đức T, Phạm Thị H, Lê Đình V, Phạm Xuân H theo quy định tại Điều 348 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Trương Thị O, Phạm Thanh B:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, lời khai của bị cáo khác trong vụ án, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản kiểm tra điện thoại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở xác định:

Đối với bị cáo Phạm Thanh B:

Bị cáo B đã nhiều lần mua số lô, số đề của H, với tổng số tiền 156.875.000 đồng, gồm 13.315.000 đồng tiền đề và 66.660.000 đồng tiền lô (3.030 điểm) và 76.900.000 đồng tiền trúng thưởng. Trong đó có 14 ngày số tiền đánh bạc trên 5 triệu đồng/ngày với tổng cộng 116.620.000 đồng, gồm 4.260.000 đồng tiền đề, 41.360.000 đồng tiền lô (1.880 điểm) và 71.000.000 đồng tiền thưởng.

Đối với bị cáo Trương Thị O:

Từ ngày 25/12/2023 đến ngày 19/01/2024, bị cáo O đã nhiều lần mua bán số lô, số đề với H, tổng số tiền 285.876.000 đồng, gồm 162.323.000 đồng tiền đề, 4.033.000 đồng tiền lô và 119.520.000 đồng tiền thưởng. Trong đó có 12 ngày số tiền trên 5 triệu/ngày, với tổng 279.742.000 đồng và riêng ngày 17/01/2024, O còn bán số lô, số đề cho khách chơi là Nguyễn Ngân G (2.500.000 đồng tiền đề) và Giang Thị Thu H (900.000 đồng tiền đề).

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ với nhau, Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến an toàn, trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, các bị cáo đều nhận thức rõ việc đánh bạc được thua bằng tiền dưới mọi hình thức là vi phạm pháp luật, thiếu ý thức tôn trọng pháp luật, trong thời gian ngắn các bị cáo đã thực hiện hành vi đánh bạc nhiều lần. Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận hành vi trên của các bị cáo Trương Thị O, Phạm Thanh B cấu thành tội “*Đánh bạc*” theo điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố L (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 6), tỉnh Lào Cai đã xét xử các bị cáo là có căn cứ đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình nên

các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trương Thị O có mẹ đẻ là bà Trần Thị L được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba; Bộ trưởng Bộ y tế tặng Huy chương vì sức khỏe nhân dân; Bị cáo đã cùng đoàn thiện nguyện ủng hộ cho người dân bị ảnh hưởng bởi cơn bão Yagi trên địa bàn xã Q, huyện B, tỉnh Lào Cai 50 suất chăn ấm và số tiền 5.000.000 đồng. Ngoài ra, quá trình xét xử phúc thẩm bị cáo Trương Thị O cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới là Thư cảm ơn của Công an xã Y, tỉnh Lào Cai đối với bị cáo về việc giúp đỡ bắt quả tang bị can Phạm Mù S phạm tội về ma túy, đây được coi là tình tiết mới giảm nhẹ cho bị cáo theo điểm u Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Phạm Thanh B cung cấp xác nhận của Công an xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình (cũ) về việc bị cáo trong quá trình sinh sống tại địa phương chấp hành tốt các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, tham gia công tác Tổ tự quản về An ninh trật tự tại thôn từ năm 2011 đến năm 2020; Đóng góp ủng hộ 09 xuất quà Tết trị giá 4.500.000 đồng cho những hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn Tết Ất Tỵ năm 2024 tại thôn T; được UBND xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình (cũ) tặng Giấy chứng nhận hộ sản xuất kinh doanh giỏi năm 2024. Đây được coi là tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ quy định tại Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, bị cáo Trương Thị O, Phạm Thanh B đủ điều kiện để được hưởng án treo. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận kháng cáo của các bị cáo cho hưởng án treo là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của các bị cáo, phù hợp với các đặc điểm nhân thân của các bị cáo và thể hiện tính khoan hồng, nhân đạo của pháp luật. Không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe, cải tạo đối với các bị cáo.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b, đ khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của các bị cáo Lại Thị A, Nguyễn Đức T, Phạm Thị H, Lê Đình V, Phạm Xuân H.

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Trương Thị O, Phạm Thanh

B.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2025/HS-ST ngày 11/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố L (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 6), tỉnh Lào Cai về phần hình phạt đối với các bị cáo Trương Thị O, Phạm Thanh B như sau:

Tuyên bố các bị cáo Trương Thị O và Phạm Thanh B phạm tội “*Đánh bạc*”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trương Thị O 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trương Thị O cho Ủy ban nhân dân phường C, tỉnh Lào Cai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Thanh B 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Phạm Thanh B cho Ủy ban nhân dân xã Vũ Thư, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án Hình sự;

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Các bị cáo Lại Thị A, Nguyễn Đức T, Phạm Thị H, Lê Đình V, Phạm Xuân H, Trương Thị O, Phạm Thanh B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai;
- Phòng PV06 CA tỉnh Lào Cai;
- CQTHAHS, CQĐT, CA tỉnh Lào Cai;
- TAND, VKSND khu vực 6 - Lào Cai;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- THADS tỉnh Lào Cai;
- UBND xã V, tỉnh Hưng Yên;
- UBND phường C, tỉnh Lào Cai;
- Bị cáo (7);
- Lưu hồ sơ - AV.

Phùng Chí Thiện

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị V Trương Quyết Thắng

Phùng Chí Thiện